

QUAN HỌ VÀ NGHỆ NHÂN QUAN HỌ VỚI QUAN HỆ LÀNG XÃ VÀ MÔI SINH VĂN HÓA

PGS.TS. BÙI QUANG THANH*

TÓM TẮT

Để đi sâu nghiên cứu các thể hệ “báu vật nhân văn sống” và tìm về những nguyên nhân góp phần tạo thành những tài năng nắm giữ di sản, trao truyền di sản; để từ đó xác định các giải pháp ứng dụng thích hợp, nhằm bảo vệ và phát huy bền vững giá trị di sản trong xã hội đương đại. Từ góc độ tiếp cận này, bài viết bước đầu đề cập đến vấn đề Quan họ và nghệ nhân Quan họ với quan hệ làng xã và môi sinh văn hóa, khả dĩ đi đến nghiên cứu chung về nghệ nhân Quan họ trong môi trường văn hóa đương đại.

Từ khóa: Quan họ; nghệ nhân; môi sinh; làng xã; báu vật nhân văn sống.

ABSTRACT

The paper discusses on the generations of living treasure, and find reasons to create living treasure to disseminate the heritage; and identify suitable solutions to protect and promote heritage values in contemporary society. From this viewpoint, the paper mentions Quan họ folk singing and singers, and the relation with villages and cultural environment to put them to contemporary context.

Key words: Quan họ folk singing; practitioners; environment; village; living treasure.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa cổ truyền của người Việt, trên tiến trình hình thành, bồi đắp và phát triển, dù có đa dạng, sinh động và phong phú đến đâu, suy cho cùng, bao giờ nó cũng được phôi thai, nảy nở từ môi sinh văn hóa và mối quan hệ làng xã nhất định. Đương nhiên, chủ nhân của những nguồn văn hóa mang đậm bản sắc địa phương đó cũng nhờ sự nuôi dưỡng của dòng sữa được chưng cất từ môi sinh văn hóa làng mà có đủ nội lực về tư chất, tình cảm và khoái cảm thẩm mỹ; để, bên cạnh những bước đi theo quy luật sinh tồn nòi giống, còn có khả năng sáng tạo (và thực hành) cho mình, cho cộng đồng của mình vốn tri thức văn hóa sinh kế và văn hóa giải trí mang nhiều giá trị nhân sinh, được bồi đắp, kế thừa và tôn tạo từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Kinh nghiệm từ một số nước có nền văn hóa tương đồng với Việt Nam từ cuối những năm 80 thế kỷ trước đến nay cho thấy, để đi sâu nghiên cứu các thể hệ “báu vật nhân văn sống”, giới khoa học đã đi sâu tìm hiểu sự gắn kết của đội ngũ thực hành nguồn di sản văn hóa phi vật thể với môi sinh văn

hóa, trong đó lần tìm về những nguyên nhân góp phần tạo thành những tài năng nắm giữ di sản, trao truyền di sản; để từ đó xác định các giải pháp ứng dụng thích hợp, nhằm bảo vệ và phát huy bền vững giá trị di sản trong xã hội đương đại. Từ góc độ tiếp cận này, bước đầu chúng tôi đề cập đến vấn đề nghệ nhân Quan họ với quan hệ làng xã và môi sinh văn hóa, khả dĩ đi đến nghiên cứu chung về nghệ nhân Quan họ trong môi trường văn hóa đương đại.

2. Từ tục kết chạ truyền thống

Trên tiến trình lịch sử phát triển của nhân loại, thực tế hiện tồn của những liên kết, liên minh, quan hệ kết nghĩa giữa các cộng đồng người (lớn hoặc nhỏ) trong những hoàn cảnh lịch sử và điều kiện xã hội nhất định đã từng diễn ra, như một sự phổ biến của quy luật vận động và phát triển cộng đồng xã hội nói chung. Cho dù có trải qua bất kỳ chế độ xã hội nào, thực tế những quan hệ liên kết/liên minh theo các hình thức, cấp độ và mức độ khác nhau, trong từng bộ tộc, tộc người hay lớn hơn là dân tộc và cộng đồng quốc gia đa dân tộc, luôn được diễn ra như sự đáp ứng những nhu cầu tồn tại và phát triển tất yếu. Ngược dòng lịch sử nhân loại, khi tìm hiểu tác dụng của lao động trong sự chuyển biến

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

từ vượt thành người, F. Ăng-ghe-n đã từng nhận định: “Sự phát triển của lao động đã đưa đến kết quả tất yếu là thắt chặt thêm những mối liên hệ giữa các thành viên của xã hội...”.¹ Thậm chí, nhìn về lịch sử văn hóa nguyên thủy, các nhà khoa học đã nhận thấy: “Trong tất cả những bộ lạc và bộ tộc lạc hậu, thói quen thăm hỏi lẫn nhau giữa các tập đoàn trong cùng một bộ lạc hoặc thuộc những bộ lạc khác nhau, tức là thói quen thăm hỏi thân thiện với nhau, đã lưu hành rộng rãi”². Cũng trên tiến trình dài dặc của lịch sử nhân loại, những nguyên nhân chủ đạo góp phần tạo ra các khối liên minh, các mối quan hệ, từ phạm vi hẹp là các thị tộc, đến các bộ lạc, bộ tộc... đã có thể được đúc kết/tổng kết rõ ràng. Đó là sự nảy sinh từ nhu cầu hôn nhân, nhu cầu hợp tác kinh tế, nhu cầu liên kết, liên minh để cùng ứng xử với tự nhiên khắc nghiệt, với các lực lượng thù địch bên ngoài hay sự trả nghĩa, đền đáp, cùng tôn vinh một biểu tượng nào đó bởi những lý do ân nghĩa về cơ nghiệp cộng đồng. Và, cao cả nữa là đáp ứng nhu cầu giải trí và khoái cảm thẩm mỹ hoặc tạo ra nhịp cầu nối kết - chia sẻ tình cảm đôi lứa nói riêng và tình cảm con người cùng giới, cùng nghiệp hay cùng thân phận nói chung.

Như vậy, từ xa xưa, liên kết giữa các cá nhân hoặc những cộng đồng người nhất định để xây dựng mối liên minh cộng đồng đã trở thành một nhu cầu thiết yếu giúp con người tồn tại, phát triển. Tuỳ vào hoàn cảnh lịch sử, môi trường tự nhiên xã hội, đặc điểm tâm lý cũng như niềm tin tôn giáo của mỗi tộc người, các cộng đồng hội cư trong cùng một không gian sinh thái và không gian văn hóa nhất định, thường nảy sinh những nhu cầu liên kết khác nhau. Theo đà phát triển của lịch sử, dưới tác động của quá trình giao lưu kinh tế - văn hoá, các tộc người càng có thêm điều kiện thuận lợi để tìm hiểu về các cộng đồng sống quanh mình, từ đó tìm kiếm sự tương đồng, nảy sinh nhu cầu cố kết. Nếu như ở cộng đồng cư dân Việt tại châu thổ sông Hồng, đã từ nghìn năm qua, nảy sinh tục kết chạ theo xu hướng cộng cảm, cộng cư và cùng nhau ứng xử với mọi biến động của lịch sử tự nhiên và xã hội, thì tại các làng/thôn Quan họ xứ Kinh Bắc, tục kết chạ đã một thời được coi là một mỹ tục đặc dụng, nơi hợp lực để liên minh về kinh tế, an ninh và đặc biệt là nơi để tạo mối giao lưu, sản sinh ra kho tàng văn hóa dân gian - mà đỉnh cao là nguồn dân ca Quan họ đặc sắc.

Khảo sát ở 49 làng Quan họ, tất cả các bậc cao niên đều có chung ý kiến: Trước khi nảy sinh và tồn tại hình thức sinh hoạt ca hát Quan họ, các làng Quan họ này đều đã được tổ chức theo một cơ cấu

truyền thống, được mọi thiết chế của xã hội quân chủ thừa nhận và chấp nhận. Đó là thứ cơ cấu tổ chức về hình thức theo các lớp lang chức tước do tầng lớp thống trị đặt ra và cai quản: các chức dịch, lý trưởng, cai tuần,... Và, cạnh đó là hoạt động của một thứ tổ chức được dân làng chấp nhận và tuân phục mang danh Hội đồng trưởng lão, Hội đồng tộc biểu. Về thực chất, đó là tổ chức của cộng đồng, giúp cộng đồng tạo ra sự gắn kết giữa các dòng họ, gia đình, quản lý nhân sự trong làng, đảm bảo an ninh dân sinh thông qua một thứ quy định thành văn là Hương ước. Tổ chức cơ cấu làng xã không mang tính cô lập, độc lập mà luôn có nhu cầu và đã thực hiện nhu cầu về sự liên kết, gắn kết, hình thành nên tục kết chạ giữa các làng.

Hầu hết các làng Quan họ đều có tục kết chạ với một làng hoặc nhiều làng trong vùng, gần kề nhau hoặc có thể xa cách về không gian. Nhưng, tổng quan lại, tục kết chạ của các làng trước khi nảy sinh hình thức hát Quan họ đã được thiết lập, xuất phát từ nhu cầu và các mối liên hệ chính sau đây:

- Kết chạ do cùng nguồn gốc sinh ra.
- Kết chạ do có chung tín ngưỡng, phong tục (thờ chung Thành hoàng).
- Kết chạ vì lợi ích kinh tế, nghề nghiệp chung giữa 2 làng.
- Kết chạ nhằm mục đích bảo vệ an ninh, liên kết xã hội.

Mọi hình thức của tục kết chạ làng xã ở 49 làng này mang đặc trưng chung của tục kết chạ tại hơn 700 làng thuộc tỉnh Bắc Ninh và một số huyện thuộc tỉnh Bắc Giang (Việt Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng) nói riêng và vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ nói chung.

Từ khi nảy sinh và tồn tại hình thức sinh hoạt Quan họ, các làng Quan họ cổ này lại dường như nhờ Quan họ, do Quan họ và vì sự phát triển của Quan họ mà tổ chức thắt chặt tục kết chạ vốn đã có, hoặc nảy sinh mối liên hệ kết chạ mới giữa các làng có người/bọn hát Quan họ (mới) với nhau. Vì thế, trong 49 làng Quan họ gốc, song song tồn tại 2 loại kết chạ:

- Loại các làng Quan họ kết chạ với nhau.
- Loại làng Quan họ kết chạ với làng không có sinh hoạt Quan họ.

Khảo sát ở mỗi quan hệ kết chạ giữa các làng Quan họ với nhau, qua 49 làng, đã có 40 cặp quan hệ, chiếm gần 80% trong tổng số các làng Quan họ. Cụ thể, đó là các cặp chạ: Thị Cầu - Cổ Mễ, Khúc Toại- Hữu Chấp, Viêm Xá - Hoài Bão, Yên Mẫn - Thị Chung, Khả Lễ - Bái Uyên, Khả Lễ - Bò Sơn, Y Na - Bò Sơn, Hòa Đình - Trà Xuyên, Hòa Đình - Đỗ Xá, Hòa

Đình - Niềm Xá, Hòa Đình - Đông Yên, Niềm Xá - Đông Yên, Lũng Giang - Tam Sơn, Xuân Ổ - Ném Thượng, Ném Tiến - Ném Đoài, Ném Thượng - Ném Sơn, Hạ Giang - Châm Khê, Ném Đoài - Ngang Nội, Ném Đoài - Đào Thôn, Đông Mơi - Đặng Xá, Duệ Đông - Đào Xá, Vân Khám - Yên Mẫn, Châm Khê - Dương Ổ, Châm Khê - Đào Xá, Bái Uyên - Hoài Thị, Đỗ Xá - Thị Cầu, Yên Mẫn - Thị Cầu, Phúc Sơn - Trà Xuyên, Vệ An - Yên Mẫn, Hữu Nghi - Hữu Chấp, Sen Hồ - Diêm, Nội Ninh - Thị Cầu,...

Điều đặc biệt là, khi chưa có sinh hoạt Quan họ, thường mỗi làng chỉ kết chạ với một làng khác, nhưng khi có giao lưu hát Quan họ, khá nhiều làng Quan họ cùng lúc kết chạ với nhiều làng Quan họ khác nhau (khoảng 60% số làng có kết chạ với 2 làng Quan họ trở lên). Và, đương nhiên, trong không gian văn hóa của mỗi kết chạ đó, các nghệ nhân Quan họ bao giờ cũng đóng vai trò hạt nhân, hiện diện như một thực thể sinh động tạo ra sự bền vững của mối quan hệ giao chạ đó.

Như vậy, sinh hoạt Quan họ ở tất cả 49 làng Quan họ đã là một trong những động lực quan trọng thắt chặt thêm sự gắn kết của cơ cấu tổ chức làng truyền thống, hoặc là mối dây mở ra sự gắn kết mới trong quan hệ kết chạ giữa các làng Quan họ. Khái quát chung sự kết chạ này là:

- Do sự kết chạ theo tục lệ của làng, vốn có từ trước khi xuất hiện sinh hoạt hát Quan họ.
- Do phụng thờ chung Thành hoàng.
- Do có quan hệ và giao lưu hát Quan họ.
- Do quan hệ giao lưu buôn bán hàng hóa giữa các làng có nghề phụ cần hỗ trợ, bổ trợ cho nhau.

Trong thực tế, khá nhiều làng Quan họ không chỉ kết chạ với làng/các làng Quan họ khác mà vẫn giữ hoặc mở rộng quan hệ kết chạ thêm, song hành với các làng không có sinh hoạt Quan họ. Thực trạng kết chạ này, theo các bậc cao niên (và các nghệ nhân) ở các làng Quan họ, chủ yếu là do hầu hết các làng Quan họ đều có nghề thủ công nên cần mở rộng giao lưu làm ăn, thêm bạn kết chạ để tạo uy tín, niềm tin bền vững trong giao dịch hàng hóa, khai thác nguồn đặt hàng (sản phẩm) hoặc tiếp nhận nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho nghề phụ phát triển và hoạt động bền vững.

Về hình thức làng kết chạ, Quan họ khác với hát Ví, Đúm, thậm chí cả hát Cshèo,... ở chỗ, loại sinh hoạt văn hóa này được coi như một phương thức góp phần tạo nên sự cố kết liên làng trong môi trường quan hệ xã hội truyền thống nói chung. Ngược lại, chính mối liên hệ/quan hệ kết chạ này lại là yếu tố quan trọng tạo điều kiện củng cố vững chắc hơn cho tục hát Quan họ. Quan hệ kết chạ

giữa các làng có sinh hoạt ca hát Quan họ, thực tế đã làm tăng thêm tính phong tục, nghi lễ của hát Quan họ, là môi trường bảo tồn và duy trì tính bền chắc của hình thức dân ca phong tục này. Có thấy được giá trị nội dung xã hội thấm sâu vào sinh hoạt Quan họ, làm cho mối quan hệ khăng khít của các cặp làng kết chạ (trong đó đại diện là các cặp, các nhóm nghệ nhân vì nhu cầu thực hành hát Quan họ mà thân thiết, quý trọng nhau) càng được củng cố hơn, chúng ta mới giải thích được tại sao cùng trong không gian địa - văn hóa mà những làng liền kề lại không xuất hiện tục hát Quan họ và thậm chí không kết chạ với nhau.

3. Đến các loại hình sinh hoạt văn hóa khác

Điểm gặp gỡ chung dễ thấy ở 49 làng Quan họ, đó là lòng tự hào của người dân sinh ra và lớn lên trên mảnh đất có truyền thống văn hiến - khoa bảng lâu đời, mang danh văn hiến xứ Kinh Bắc.

Một điều chắc chắn là, Bắc Ninh trước khi được biết đến là một khu vực hành chính có nguồn di sản văn hoá Quan họ độc đáo và đặc sắc, vốn đã nổi danh là cái nôi của sinh hoạt văn hoá dân gian người Việt cổ.

Có 3 thời điểm lịch sử Kinh Bắc xưa - Bắc Ninh nay - liên quan cận kề trong cùng không gian hoặc là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá của quốc gia. Đó là thời kỳ (những thế kỷ trước Công nguyên) khi những làng Quan họ Bắc Ninh (sau này) thuộc về trung tâm Tây Vu - Cổ Loa của triều đại An Dương Vương. Tiếp đến là vùng phụ cận của trung tâm Luy Lâu liền kề. Và, trung tâm của triều đại nhà Lý tại vùng đất Từ Sơn - Tiên Du thế kỉ X. Chính vì thế, "xứ Kinh Bắc được coi như cái ổ để từ đó người Việt Nam tràn ra chiếm lĩnh vùng Trung châu"³. Cho đến 10 thế kỷ sau này, kể từ các triều đại vua Trần xây dựng quốc gia Đại Việt đến khi Pháp xâm lược, vùng đất Kinh Bắc vốn là một trung tâm quan trọng về kinh tế, quân sự, văn hoá của nhà nước quân chủ chuyên chế độc lập, tự chủ. Ngay từ năm 1973, trong hội nghị truyền thống về mảnh đất "Hà Bắc ngàn năm văn hiến", cố Giáo sư Trần Quốc Vượng đã nêu ra những điểm nhìn sắc sảo về vùng đất Kinh Bắc - xứ Bắc ngày xưa từ giác độ địa - văn hóa. Đánh giá đất Kinh Bắc trên trục lịch sử và không gian văn hóa, ông đã cô đọng trong nhận thức về xứ Bắc - Kinh Bắc: "Đây là nơi tụ cư của quân lính Hán - Lục Triều, của sĩ phu, học trò Hán tộc, của dân nghèo Hán tộc sang sinh cơ lập nghiệp. Đây là nơi trụ trì và truyền đạo của các nhà sư Thiên Trúc, Hán, Hồ, Khơ Me... Xứ Bắc xưa là ngã tư đường của các đường giao lưu văn hóa Nam - Bắc - Đông - Tây. Để đến thời Lý, đây lại là nơi rộ các chùa chiền ("cầu

Nam, chùa Bắc, đình Đoài"); quê hương nhà Lý, quê hương Ý Lan cũng là nơi an táng nhiều tù binh và nghệ sỹ Chiêm Thành. Theo tôi, mọi loại hình văn hóa độc đáo của xứ Bắc chúng ta, đặc biệt là dân ca Quan họ Bắc Ninh cần được cứu xét trong bối cảnh lịch sử- xã hội đó⁴.

Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá đậm đặc và sự xuất hiện của hàng loạt đình, đền, chùa tại vùng quê Bắc Ninh (với 1558 di tích lịch sử - văn hóa) và tại các làng thuộc huyện Việt Yên, Bắc Giang gắn với hàng loạt lễ hội dân gian (gần 600 lễ hội làng) đã là những địa chỉ nảy sinh các tụ điểm sinh hoạt văn hoá truyền thống nổi tiếng, phản ánh đặc trưng văn hoá của cộng đồng làng xã người Việt cùng bản sắc vùng quê xứ Bắc, trở thành nền tảng văn hoá Việt Nam sau này. Người dân nói chung và những nghệ nhân hát Quan họ nói riêng trong số 49 làng Quan họ cổ, đặc biệt là 44 làng thuộc Bắc Ninh, luôn tự hào về mảnh đất mình sinh ra chính là xứ sở của đình, chùa và lễ hội liên quan. Nhiều ngôi chùa, ngôi đình/đền của các làng Quan họ gốc được cả nước biết đến, như: Chùa Lim, chùa Xuân Ổ, chùa Viêm Xá, chùa Châm Khê, chùa Dương Ổ, chùa Hoà Đình, chùa Bồ Đà... Và, những ngôi đình: đình Đông Khang, đình Viêm Xá, đình Đẩu Hàn,... cùng hàng loạt ngôi đền thờ nữ thần, thờ mẫu ở hầu khắp các làng Quan họ cổ, trở thành trung tâm sinh hoạt văn hoá của làng/liên làng.

Gắn kết mật thiết với những di tích lịch sử - văn hoá này là hàng loạt hệ thống truyền thuyết, thơ ca, hò vè, hàng loạt nghi lễ, tín ngưỡng, tục hèm thể hiện sinh động qua các lễ hội. Tất cả làng Quan họ đều có hội làng của riêng mình. Đây cũng là thời điểm đặc biệt nhất trong năm để các nghệ nhân Quan họ có cơ hội giao lưu "thâu đêm - suốt sáng" bên nhau, nhất là những "bạn" Quan họ từ các làng kết chạ với nhau có mặt trong kỳ lễ hội. Và, hội làng diễn ra tại các di tích lịch sử - văn hoá đã trở thành trung tâm sinh hoạt văn hoá, môi trường dung dưỡng cho văn hoá truyền thống các làng tồn tại.

Cũng từ mảnh đất giàu truyền thống văn hoá này, người dân Kinh Bắc còn có lớp lớp các nhà khoa bảng tài danh, những trí tuệ siêu việt. Trong hơn 800 năm khoa cử Việt Nam, Bắc Ninh đóng góp trên 600 tiến sĩ, 17 trạng nguyên, xứng danh với câu ca về một vùng đất có: "Một bồ ông Cống, một đống Trạng nguyên, một thuyền Bảng nhơn". Và, chính đây là lực lượng hùng hậu đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sáng tạo, tái tạo di sản văn hoá truyền thống, bồi dưỡng tri thức hoặc "gà bòi" cho các nghệ nhân thực hành văn nghệ -

trong đó có dân ca Quan họ, góp phần nâng đỡ cho các loại hình văn hoá - nghệ thuật Kinh Bắc đạt đến mức độ hoàn mỹ.

Một đặc điểm khá nổi bật tại các làng Quan họ gốc là: hầu hết các làng đều có truyền thống hiểu biết và tham gia vào các loại hình dân ca khác nhau trước khi biết đến loại hình sinh hoạt ca hát Quan họ. Cụ thể:

- Sinh hoạt hát Chèo ở các làng Viêm Xá, Ngang Nội, Khúc Toại, Châm Khê, Trà Xuyên, Hữu Chấp, Y Na, Bồ Sơn, Đông Xá, Ném Đoài.

- Sinh hoạt hát Tuồng ở các làng Viêm Xá, Thị Cầu, Hoài Bảo, Lũng Sơn, Hoài Trung, Yên Mẫn.

- Sinh hoạt hát Chèo Chải hê ở các làng Lũng Giang, Tam Sơn.

- Sinh hoạt hát Ca trù/hát Cửa đình ở các làng Lũng Giang, Trà Xuyên, Bồ Sơn, Thị Cầu, Đáp Cầu, Khúc Toại, Duệ Đông.

- Sinh hoạt hát Ví ở hầu khắp các làng Quan họ.

- Sinh hoạt hát Ghẹo, Trống quân ở Viêm Xá, Đông Mơi.

- Sinh hoạt hát Đúm ở các làng Tam Sơn, Lũng Giang, Lũng Sơn, Viêm Xá, Thị Cầu, Đáp Cầu.

- Sinh hoạt múa Rối cạn ở làng Trà Xuyên.

- Sinh hoạt hát Trống quân ở làng Thị Cầu, Đông Mơi...

Nhìn vào thực trạng sinh hoạt văn hoá hiện nay ở 49 làng Quan họ, dễ nhận thấy một điều là: Cho đến nay, hầu như tại các làng, mọi người chỉ quan tâm đến hát Quan họ và sinh hoạt văn hoá Quan họ, thành lập các câu lạc bộ Quan họ. Một số làng chỉ còn số lượng ít người yêu thích và tham gia hát Tuồng, Chèo. Còn các loại hình sinh hoạt dân ca khác hầu như vắng bóng, không được duy trì và không được các thế hệ sau này biết đến. Có lẽ, trải qua tháng năm, các hình thức sinh hoạt văn nghệ khác nhau của người Kinh Bắc đã nhờ mối quan hệ giao lưu, tiếp biến với văn hóa của người Sán Chay (Cao Lan - Sán Chí) thông qua lễ lối hát Sinh ca, với tinh hoa âm nhạc Malayo (có thể qua người Chăm),... mà chúng cất thành nguồn sữa văn hoá Quan họ tinh túy, đủ sức cuốn hút mọi thế hệ, đưa Quan họ lên vị thế độc tôn (lấn át hoặc loại trừ các hình thức sinh hoạt văn nghệ khác) để ôm trùm môi sinh văn hóa một vùng⁵!

4. Và, môi trường văn hóa sinh động của những phong tục, tập quán, tín ngưỡng

Nói đến Kinh Bắc xưa - Bắc Ninh nay là nói đến vùng đất của di tích lịch sử - văn hoá có giá trị nhiều mặt. Hàng trăm địa chỉ với sự hiện diện của những đình, đền, chùa, miếu tại các làng quê đã là minh chứng đa dạng và phong phú cho trí lực

sáng tạo và tín ngưỡng - tâm linh của người dân Kinh Bắc trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Với 44 làng Quan họ gốc, qua kiểm kê những di tích văn hoá - tín ngưỡng vật thể, mà đa số trong đó đã và đang được sử dụng cho không gian sinh hoạt Quan họ vào các dịp hội làng hoặc các dịp lễ tiết lớn trong năm. Theo thống kê sơ bộ, tại 49 làng Quan họ, hiện nay (2014) có 47 ngôi đình, 42 ngôi chùa, 16 ngôi đền, 3 nghè và 6 miếu. Phần lớn các di tích này đã có độ tuổi hàng trăm năm trở lên (phần nhiều được tạo dựng từ các thế kỷ XVI, XVII, XVIII), trong đó, không gian của chùa và đình - đền thường được sử dụng cho sinh hoạt ca hát Quan họ chiếm số lượng chủ yếu.

Một số nhận xét chung về hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng:

a. Tất cả các gia đình (100%) tại các làng Quan họ gốc đều giữ tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Các gia đình đều có ban thờ tổ tiên, thờ cúng chu tất vong linh những người thân đã khuất. Tại tất cả các làng, mối quan hệ giữa gia đình và dòng họ rất chặt chẽ. Các dòng họ đều có nhà thờ Tổ/thờ Họ. Hình thức sinh hoạt tín ngưỡng này mang đặc trưng chung của cư dân vùng châu thổ Bắc Bộ.

b. Tất cả các làng đều có tục thờ Thành hoàng làng tại đình hoặc đền. Có 3 loại nhân vật chính được phụng thờ làm Thành hoàng làng:

- Nhân vật lịch sử (làm quan to, đỗ đạt,...) là người của làng, có công giúp làng, giúp nước trong lịch sử.

- Nhân vật có công tạo lập ra làng, giúp dân làm ăn sinh sống.

- Nhân vật huyền thoại hoặc nhân vật lịch sử (của vùng hoặc khu vực) nói chung được dân làng ngưỡng mộ và linh ứng giúp làng làm ăn. Trong số/loại nhân vật này, vua Bà (còn gọi là bà chúa Quan họ!) được người Quan họ tôn thờ là người sinh ra các làn điệu Quan họ gốc, được phụng thờ tại đình/đền Viêm Xá.

Có 2 điểm nổi bật trong sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng tại các làng Quan họ gốc, đó là:

- Gần 50% số làng Quan họ (chủ yếu nằm ven sông Cầu) phụng thờ đức thánh Tam Giang (Trương Hống, Trương Hát) làm Thành hoàng làng của làng mình (trên tổng số 372 làng nằm ven sông Cầu phụng thờ đức thánh Tam Giang, kéo dài từ Thái Nguyên đến Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình miền hạ lưu).

- Hầu hết các làng Quan họ đều có tục thờ nữ thần, một số được phụng thờ tại chùa, còn đa số các nhân vật nữ/nữ thần được thờ làm Thành hoàng tại đình hoặc đền. Đây là hiện tượng tín

ngưỡng mang tính phổ biến ở các làng Quan họ. Cụ thể: Viêm Xá thờ vua bà Thủy tổ Quan họ, Xuân Viên thờ bà chúa Sành, Thượng Đồng thờ bà chúa Lãm, Thọ Ninh thờ bà Lý Thọ Ninh, Hoà Đình thờ bà Đống, Thị Cầu thờ mẹ thánh Gióng, Thanh Sơn thờ Mẫu Liễu Hạnh, Y Na và Bồ Sơn thờ bà mẫu sinh năm người con đánh giặc Ân, Cổ Mễ thờ bà chúa Kho, Đông Yên thờ bà Banh, Đông Mơi thờ Dương Mai/Đông Long công chúa, Lũng Giang và Tam Sơn thờ bà Liễu Giáp, Lũng Sơn và Hạ Giang thờ Phương Dung công chúa, Xuân Ổ thờ bà Quý Minh, Nội Ninh thờ bà Phùng Thị Nhan,... Những nhân vật nữ thần được thờ phụng ở các làng chính/thường là các nhân vật trung tâm của tín ngưỡng và diễn xướng trong những kì lễ hội, do vậy mà văn hoá Quan họ luôn gắn với tín ngưỡng thờ mẫu/nữ thần ở các làng Quan họ từ xưa đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng, tại các làng Quan họ, sinh hoạt văn hóa Quan họ mà chủ thể sáng tạo, lưu giữ và trao truyền là các thế hệ nghệ nhân - luôn là một bộ phận hợp thành của văn hoá cộng đồng làng xã, hoà nhập và gắn kết với văn hoá tín ngưỡng của làng xã, đồng thời, thông qua các hoạt động đặc sắc của văn hoá Quan họ (nhiều khi chỉ cần ở một nhóm nghệ nhân), cộng đồng làng xã lại có cơ hội làm phong phú thêm đời sống văn hoá nói chung, tạo ra bản sắc văn hoá của từng làng qua các/từng giai đoạn lịch sử - xã hội. Có thể nói, chính môi trường sinh hoạt văn hóa sinh động, đa dạng theo những lớp lang vô hình nhưng nghiêm ngặt của phong tục, tập quán, tín ngưỡng xứ Kinh Bắc đã góp phần xây đắp cho phong cách lịch lãm, nền nã, hiếu khách và đậm chất "nghệ sĩ" cho các thế hệ nghệ nhân Quan họ lâu nay./.

B.Q.T

Chú thích:

1- F.Ăng - ghen, *Tác dụng của lao động trong sự chuyển biến từ vượn thành người*, Nxb. Sự thật, H,1957, tr. 5.

2- M.O.Kosven, *Sơ yếu lịch sử văn hóa nguyên thủy* - bản dịch của Lại Cao Nguyên, Nxb. KHXH, 2005, tr. 211.

3- Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, tái bản, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1994, tr. 47; Xem thêm các trang từ 17 đến 71.

4- Xem: *Hà Bắc ngàn năm văn hiến*, Ty Văn hóa Hà Bắc xuất bản, 1974, tr. 45.

5- Xem: Bùi Quang Thanh, "Từ những nét tương đồng giữa sinh hoạt dân ca Cao Lan và sinh hoạt dân ca Quan họ Kinh Bắc", *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 11/2005.

(Ngày nhận bài: 04/3/2015; Ngày phân biện đánh giá: 07/4/2015; Ngày duyệt đăng bài: 15/4/2015).